

unios®



HƯỚNG DẪN SẢN PHẨM

ION [Ⓢ] SERIES



Một dòng sản phẩm.
Trọn vẹn thế giới spotlight.



Là chủ nhân của giải thưởng Good Design Award, ION S mở rộng giới hạn của đèn spotlight truyền thống, mang đến hơn 20.000 hình thái và biểu đạt ánh sáng khác nhau để đáp ứng mọi yêu cầu dự án.

Mục lục

Sản phẩm

Combinations →10

Mounting →14

Models →16

Optics →18

Wallwasher →26

Framer →28

Baffle →34

Sustainability →36

Product Summary →42

Công cụ tham khảo

Collection Overview →8

In Application →38



ION. Vô hạn khả năng.

Đáp ứng mọi nhu cầu chiếu sáng trần, bộ sưu tập ION, gồm hai dòng ION R và ION S, mang đến hơn 60.000 biến thể, cùng chung một triết lý thiết kế, một hệ quang học, được tạo ra để vận hành liền mạch với nhau.

Recessed Downlight

Surface Mounted Downlight

Suspended Downlight

Vandal-proof Downlight

Trimless Downlight

Adjustable Downlight

Track Light

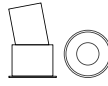
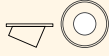
Recessed Spotlight

Surface Mounted Spotlight

Framer Spotlight

Retractable Spotlight

ION Collection

	Fixed	Adjustable	Accent	Focus	Wallwasher	Retractable	Surface	Suspended	Surface Spotlight	Recessed Spotlight	Track Spotlight	Wallwasher Spotlight	Framer Spotlight
Micro		 43 6, 15, 40° 178lm	 43 6, 15, 40° 178lm	 43 6, 15, 40° 178lm									
Mini		 60 8, 20, 50° 490lm T	 60 8, 20, 50° 490lm T	 60 8, 20, 50° 490lm T		 35 6, 15, 40° 206lm NEW	 53 8, 20, 50° 528lm	 53 8, 20, 50° 528lm	 35 6, 15, 40° 206lm NEW	 35 6, 15, 40° 206lm NEW	 35 6, 15, 40° 206lm NEW		
Small	 89 22, 40, 60° 1155lm T	 89 12, 30, 50° 659lm T	 89 12, 30° 593lm T	 89 12, 30, 50° 593lm T		 50 11, 21, 45° 607lm W NEW	 75 22, 40, 60° 1226lm	 75 22, 40, 60° 1226lm	 50 11, 21, 45° 650lm W	 50 11, 21, 45° 650lm W	 50 11, 21, 45° 650lm W	 50 11, 21, 45° 607lm W NEW	 267lm 15-25, 55° NEW
Medium	 103 22, 40, 60° 1548lm T W	 103 22, 40, 60° 1258lm T			 103 50° 868lm T W	 65 22, 40, 60° 1398lm W NEW	 89 22, 40, 60° 1656lm W	 89 22, 40, 60° 1656lm W	 65 22, 40, 50, 60° 1870lm W	 65 22, 40, 50, 60° 1870lm W	 65 22, 40, 50, 60° 1870lm W	 65 60° 1598lm W	 953lm 15-25, 55°
Large	 180 30, 50, 70° 3587lm W V	 142 30, 45, 60° 2982lm			 180 50° 1792lm W		 163 30, 50, 70° 3814lm W	 163 30, 50, 70° 3814lm W	 85 30, 45, 50, 60° 3079lm W	 85 30, 45, 50, 60° 3275lm W	 85 30, 45, 50, 60° 3275lm W	 85 65° 2451lm W	 1436lm 15-25, 55°
XL	 225 30, 50, 70° 4767lm						 208 30, 50, 70° 5128lm	 208 30, 50, 70° 5128lm					
Note: Honeycomb louvre, linear lens và softening diffusers được cung cấp cho tất cả các kích thước. Xem Configurator để biết thêm chi tiết.							Note: Có sẵn tùy chọn wire suspended (chiều dài treo lên đến 3m) hoặc rod suspended (chiều dài treo lên đến 2m).		Note: Framer spotlights có thể được cấu hình với các tùy chọn lắp đặt gồm track, recessed, surface và rod suspended spotlights.				

ION ®

ION ©

W

Có tùy chọn wallwasher

T

Có tùy chọn trimless kit

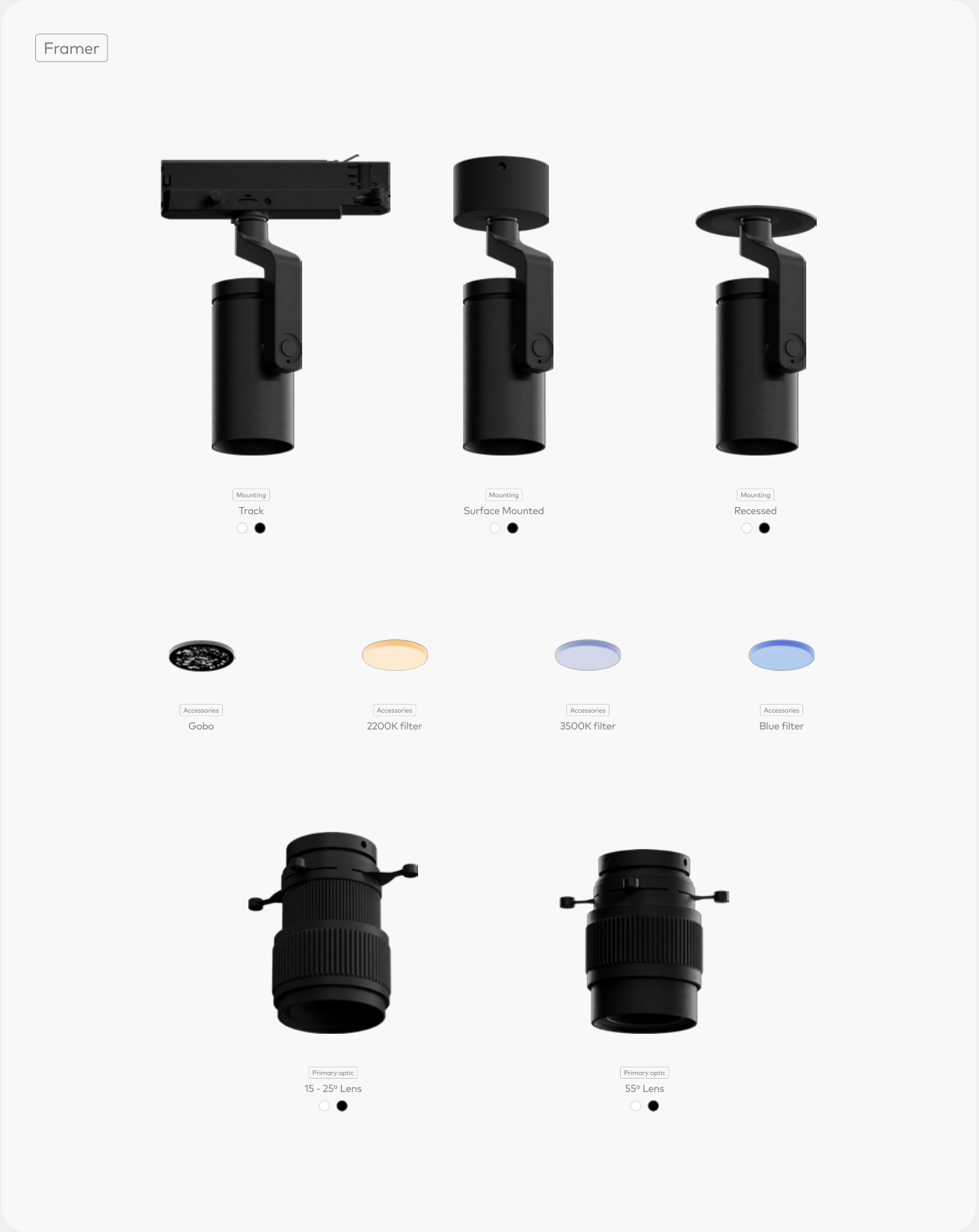
V

Có tùy chọn vandal-proof

187lm

Maximum lumen output at 3000K

ION[®] Combinations



Ẩn.



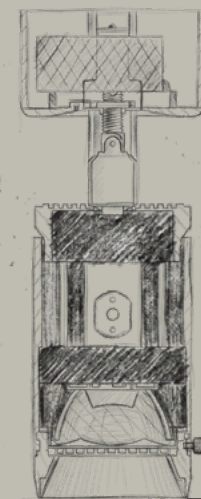
Hiện.

ION S Retractable hội tụ ưu điểm của cả hai thế giới, kết hợp khả năng điều chỉnh linh hoạt và thẩm mỹ trần nhà, lý tưởng cho không gian hospitality, bán lẻ hoặc trần nghiêng.

MỚI

ION S Retractable

Độ cắt sáng cân bằng



23°

Khí sử dụng như đèn downlight tiêu chuẩn, ION S mang lại độ cắt sáng cân bằng ở góc 23°.

Linh hoạt hơn trong thiết kế



Càng kéo dài, góc nghiêng càng lớn, từ 20° khi ở nửa hành trình đến trọn vẹn 80°, cùng khả năng xoay 355° không giới hạn.

Khác với các mẫu đèn spotlight retractable thông thường, ION S sở hữu thân đèn kín, giảm thiểu thất thoát khí, nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống HVAC.

Thất thoát khí tối thiểu





MOUNTING

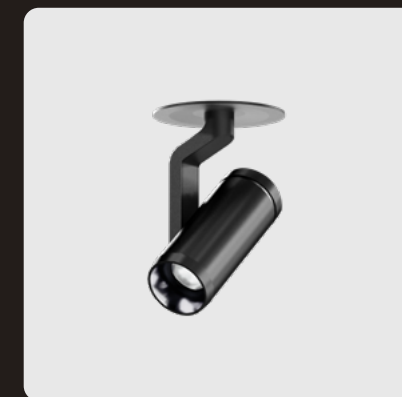
Ba phương án lắp đặt.

Bên cạnh ION S Retractable, dòng sản phẩm còn cung cấp ba phương thức lắp đặt tiêu chuẩn, đáp ứng đa dạng yêu cầu dự án và thi công.



Track

Tương thích chuẩn track phổ thông, ION S phù hợp với hệ Unios MX Track cũng như các hệ track khác.



Recessed

Lựa chọn lý tưởng để tạo bề mặt trần tối giản hơn so với các phương án khác.



Surface Mounted

Phù hợp cho trần bê tông, kết cấu lộ thiên và không gian di sản, hạn chế tối đa can thiệp vào trần.

MODELS

Từ nhỏ gọn đến mạnh mẽ



Với dải kích thước và mức quang thông đa dạng, ION S là dòng sản phẩm duy nhất phù hợp cho mọi ứng dụng, từ không gian nhỏ đến khu vực mở rộng lớn.

Từ điểm nhấn đến tổng thể.

ION S cung cấp đa dạng góc chiếu để đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau, từ làm nổi bật vật thể có kích thước khác nhau theo phương đứng, đến chiếu sáng tổng thể với các góc chiếu rộng hơn.



Pencil



Narrow



Wide

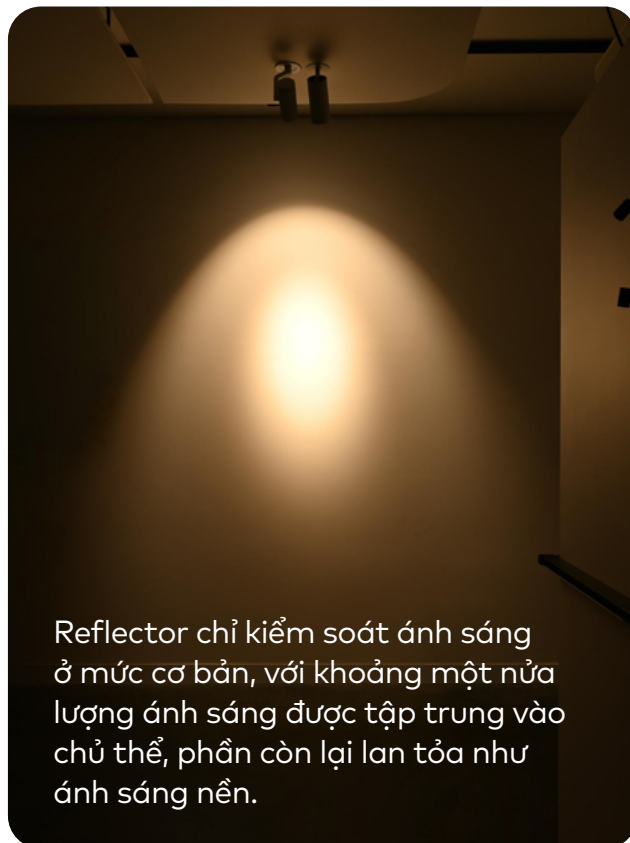
PRIMARY OPTICS

Tối ưu chuẩn xác.

Bộ phận quang học của ION S được thiết kế kỹ thuật riêng biệt cho dòng sản phẩm, tích hợp hoàn hảo với từng chi tiết để tạo nên hệ thống đèn module đồng nhất.

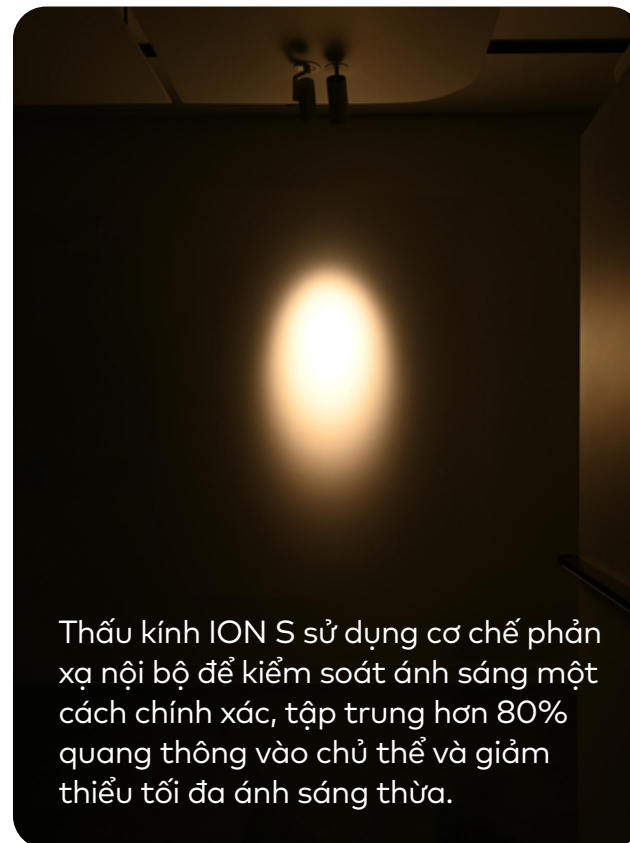
Reflector (15°)

50% Stray Light



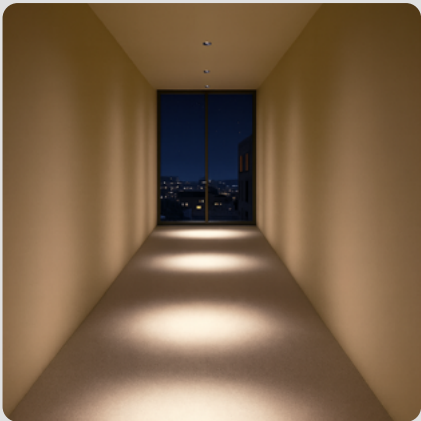
Lens (15°)

20% Stray Light



Định hình góc chiếu.

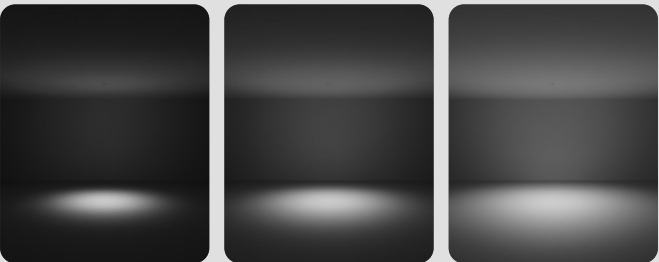
Symmetrical



	10°	15°	20°	30°	40°	50°	60°
Mini	6°	15°			40°		
Small	11°		21°		45°		
Medium			22°		40°	50°	60°
Large				30°	45°	50°	60°

Dòng ION S sở hữu dải góc chiếu rộng, đáp ứng đa dạng yêu cầu chiếu sáng.

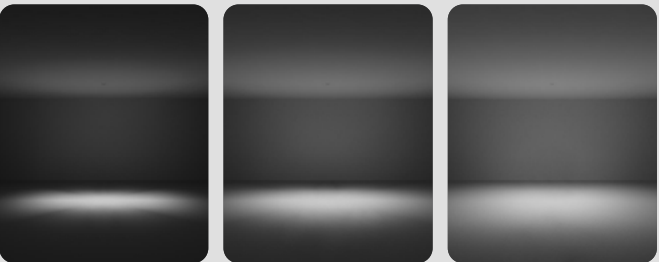
Softened



	10°	15°	20°	30°	40°	50°	60°
Mini	6°	15°			40°		
Small	11°		21°		45°		
Medium			22°		40°	50°	60°
Large				30°	45°	50°	60°

Softening Diffuser làm dịu sự chuyển tiếp giữa vùng sáng và vùng tối, giảm độ tương phản ở viền chùm sáng, tạo cảm giác ánh sáng mềm mại và dễ chịu hơn cho thị giác.

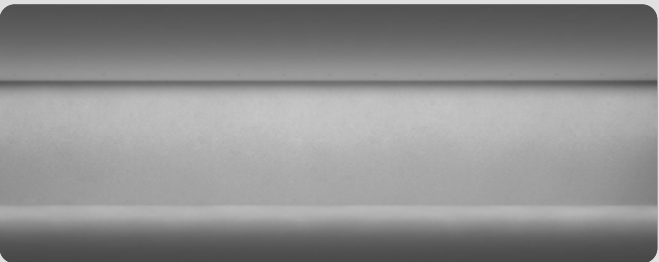
Elliptical



	10°	15°	20°	30°	40°	50°	60°
Mini	10×60°	15×60°		35×60°			
Small	11×55°		21×60°		45×60°		
Medium			22×60°		45×70°	50×70°	
Large				30×70°		50×80°	60×80°

Linear Lens kéo dài chùm sáng, lý tưởng cho hành lang và bàn dài.

Wallwash



	40°	60°	65°
Small	40×60°		
Medium		60×70°	
Large			65×80°

Với chùm sáng bất đối xứng, hệ quang Wallwasher tạo ánh sáng phân bố đồng đều theo chiều dọc trên tường, làm nổi bật kết cấu và chiều sâu kiến trúc.

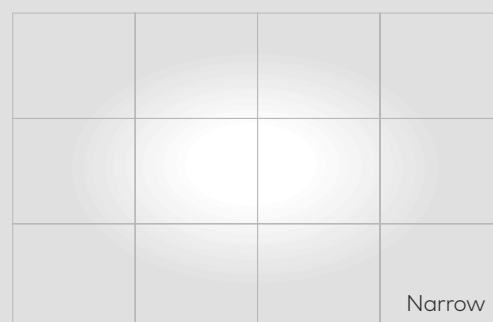


SECONDARY OPTICS

Elliptical Beams



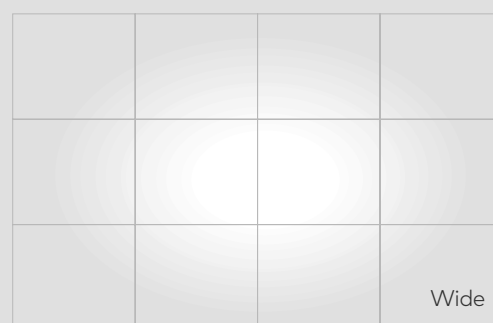
Available for: Mini / Small (models)



Available for: Small / Medium (models)



Available for: Small / Medium / Large (models)



Available for: Medium / Large (models)

Table Surfaces



Linear Lens có thể tạo ra chùm sáng elip, phân bố ánh sáng đồng đều trên các bề mặt kéo dài như bàn ăn hoặc quầy bếp, mang lại độ sáng nhất quán mà không tạo điểm chói.

Corridors



Trong không gian hành lang, các chùm sáng elip từ Linear Lens phân bố ánh sáng hiệu quả dọc theo lối đi, cho phép mở rộng vùng chiếu sáng với số lượng downlight ít hơn, đồng thời tạo nên nhịp điệu ánh sáng liên mạch và cân bằng.

Signage

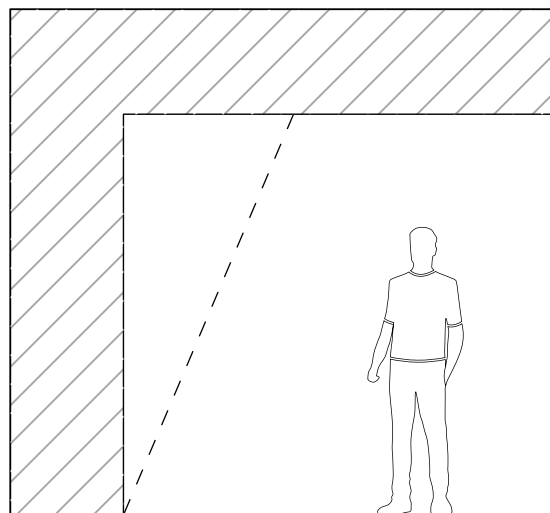


Đối với biển hiệu hoặc logo, hệ quang elip giúp định hình chùm sáng theo đúng hình dạng của nội dung hiển thị, đảm bảo độ chiếu sáng chính xác và đồng đều, đồng thời tăng cường khả năng nhận diện và nhấn mạnh kiến trúc mà không để lại ánh sáng thừa.

Hướng dẫn khoảng cách lắp đặt Wallwasher



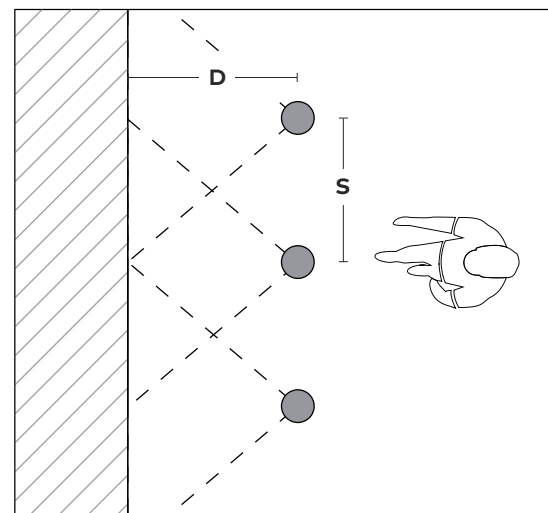
Vertical Spacing



Khoảng cách từ tường (D) = 1/3 chiều cao trần (H)

Để tạo ánh sáng phân bố đều theo chiều dọc trên tường, nên đặt đèn cách tường một khoảng bằng 1/3 chiều cao trần.

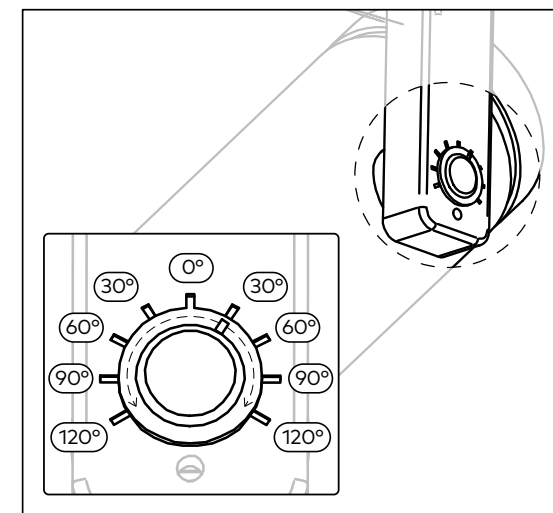
Horizontal Spacing



Khoảng cách giữa các đèn (S) ≤ khoảng cách từ tường (D)

Để đảm bảo độ đồng đều tối ưu trên bề mặt tường, khoảng cách giữa các đèn nên bằng hoặc nhỏ hơn khoảng cách từ tường. Nếu cần độ rọi cao hơn, đặt đèn gần nhau hơn.

Adjustable Tilt



Góc nghiêng = 30° - 40°

Với các mẫu wallwasher có thể điều chỉnh như ION S Spotlight, nên nghiêng đèn 30° để đạt độ đồng đều tối ưu theo chiều dọc. Mỗi nấc tương ứng 30° nghiêng. Đèn có thể nghiêng tối đa 40° tùy theo nhu cầu sử dụng.



FRAMER

Chiếu sáng nghệ thuật.

ION S Framer được thiết kế chuyên biệt cho chiếu sáng nghệ thuật, từ phòng trưng bày, bảo tàng đến không gian hospitality và nhà ở.



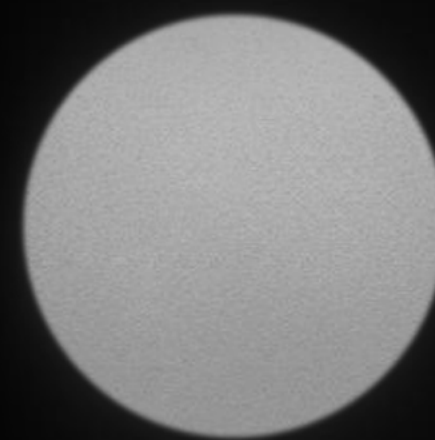
Frame

Làm nổi bật chính xác đường viền tác phẩm nghệ thuật và hiện vật với vô vàn khả năng tạo khung từ Framer Shutter.



Focus

Làm mềm và mờ nhẹ viền khung sáng một cách tinh tế, dẫn hướng ánh sáng hội tụ hoàn hảo vào đúng vật thể cần làm nổi bật.



Zoom

Lens 15-25° với vòng xoay điều chỉnh, cho ánh sáng sắc nét ở khoảng cách lên đến 8m.



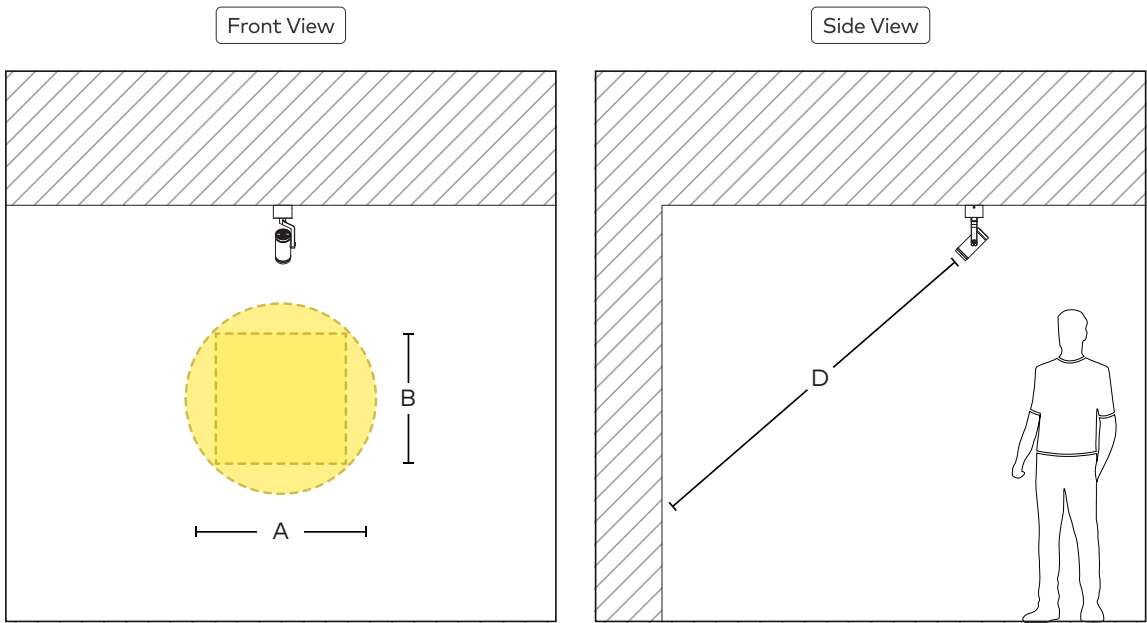
Gobo

Tạo điểm nhấn thị giác độc đáo bằng cách chiếu logo hoặc họa tiết lên bề mặt thông qua Gobo lens.

FRAMER

Đúng ánh sáng.
Đúng khoảng cách.

Hướng dẫn này giúp xác định ứng dụng của bạn phù hợp với Framer Lens 55° hay Lens 15-25°, đồng thời cung cấp thông tin về khoảng cách chiếu phù hợp để đạt được hình dạng và kích thước ánh sáng mong muốn.



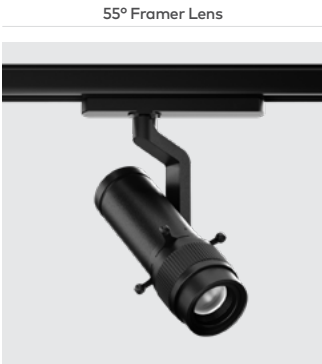
Hình dạng và kích thước chùm sáng Framer

Cấu hình và khoảng cách lắp đặt phù hợp cho ION S Framer được xác định bằng cách trước tiên hiểu rõ hình dạng và kích thước mong muốn của chủ thể hoặc khu vực cần chiếu sáng.

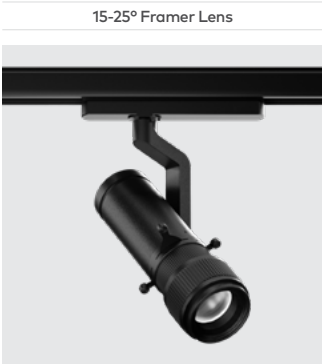
Khoảng cách chiếu: Từ nguồn sáng đến đối tượng

Dựa trên yêu cầu về hình dạng và kích thước chùm sáng, bạn có thể sử dụng bảng dưới đây để xác định khoảng cách chiếu cần thiết nhằm đạt được hiệu ứng mong muốn.

Spacing Guide



55° Framer Lens Projection Parameters		1m	1.5m	2m	2.5m	3m	3.5m	4m	4.5m	5m
Small: Projection Distance (D)										
55° Circular illuminated diameter (A)		Ø 1.04m	Ø 1.50m	Ø 2.08m	Ø 2.50m	Ø 3.12m	Ø 3.50m	Ø 4.16m	Ø 4.50m	Ø 5.20m
55° Square illuminated length (B)		0.72m	1.06m	1.45m	1.76m	2.18m	2.47m	2.91m	3.18m	3.64m
55° Average illuminance - Em		8W 268.5lx	119.0lx	67.0lx	43.0lx	30.0lx	22.0lx	16.8lx	13.3lx	10.6lx
Medium/Large: Projection Distance (D)		2m	2.5m	3m	3.5m	4m	4.5m	5m		
55° Circular illuminated diameter (A)		Ø 1.99m	Ø 2.49m	Ø 2.99m	Ø 3.48m	Ø 3.98m	Ø 4.48m	Ø 4.98m		
55° Square illuminated length (B)		1.40m	1.76m	2.11m	2.46m	2.81m	3.18m	3.53m		
55° Average illuminance - Em		18W 206lx	132lx	91.5lx	67.5lx	51.5lx	40.5lx	33lx		
		32W 291lx	186.5lx	129lx	95lx	72.5lx	57.5lx	46.5lx		



15-25° Framer Lens Projection Parameters		2m	3m	4m	5m	6m	7m	8m
Small: Projection Distance (D)								
15° Circular illuminated diameter (A)		Ø 0.50m	Ø 0.75m	Ø 1.00m	Ø 1.25m	Ø 1.50m	Ø 1.75m	Ø 2.00m
B: 15° Square illuminated length (B)		0.35m	0.53m	0.70m	0.88m	1.06m	1.24m	1.41m
15° Average illuminance - Em		8W 928.0lx	412.5lx	232.0lx	148.5lx	103.0lx	75.5lx	58.0lx
25° Circular illuminated diameter (A)		Ø 0.81m	Ø 1.22m	Ø 1.63m	Ø 2.04m	Ø 2.44m	Ø 2.85m	Ø 3.26m
25° Square illuminated length (B)		0.57m	0.86m	1.15m	1.44m	1.73m	2.01m	2.30m
25° Average illuminance - Em		8W 415.0lx	184.5lx	104.0lx	66.5lx	46.0lx	34.0lx	26.0lx
Medium/Large: Projection Distance (D)		2m	3m	4m	5m	6m	7m	8m
15° Circular illuminated diameter (A)		Ø 0.52m	Ø 0.78m	Ø 1.05m	Ø 1.31m	Ø 1.57m	Ø 1.83m	Ø 2.10m
B: 15° Square illuminated length (B)		0.37m	0.55m	0.73m	0.92m	1.10m	1.29m	1.47m
15° Average illuminance - Em		18W 3265.5lx	1451.5lx	816.5lx	522lx	363lx	266.5lx	204lx
		32W 5448lx	2421.5lx	1362lx	871.5lx	605.5lx	445lx	340.5lx
25° Circular illuminated diameter (A)		Ø 0.85m	Ø 1.28m	Ø 1.71m	Ø 2.13m	Ø 2.56m	Ø 2.99m	Ø 3.42m
25° Square illuminated length (B)		0.60m	0.90m	1.20m	1.50m	1.80m	2.10m	2.41m
25° Average illuminance - Em		18W 1580lx	702lx	395lx	253lx	176lx	129lx	99lx
		32W 2117.5lx	941lx	539.5lx	339lx	235lx	183lx	132.5lx

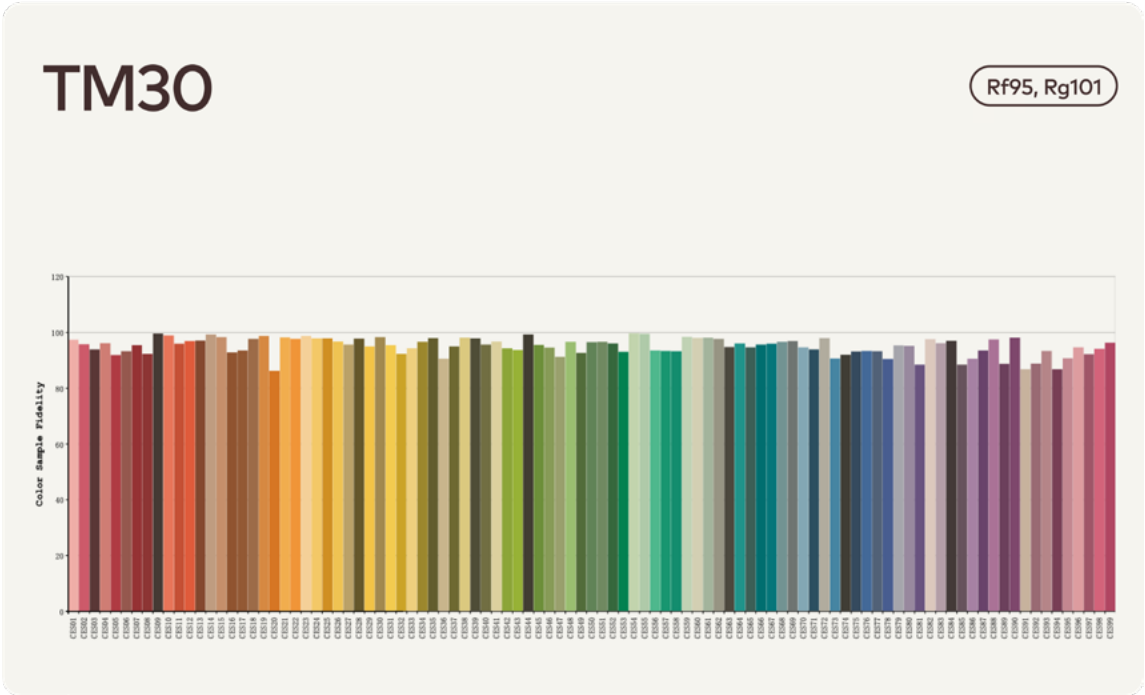
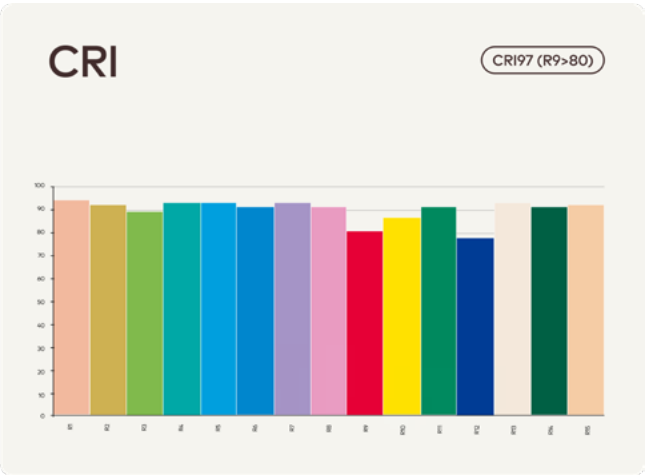
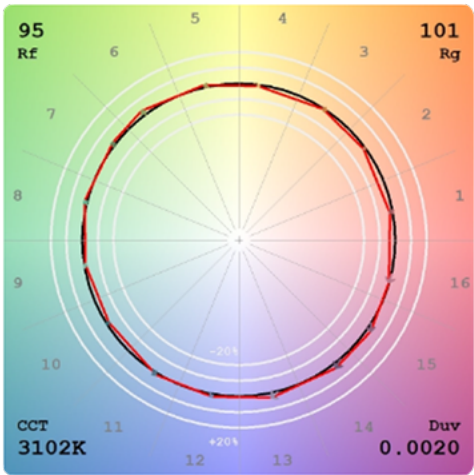
Note: Average illuminance (Em) was calculated by centre and half angle and acts as a guide only.



FRAMER

Luôn chân thực.

ION S Framer được tạo ra dành riêng cho chiếu sáng nghệ thuật, trang bị nguồn sáng thuộc hàng tốt nhất phân khúc, tái hiện màu sắc và chất cảm chân thực nhất của mọi chủ thể.



BAFFLE

Thoải mái. Thẩm mỹ.



Textured Black



Stealth Metallic



Textured Gold



Textured White

Sản phẩm được hoàn thiện với bảng màu chọn lọc, dễ dàng mang đến tổng thể hiện đại, đồng nhất và liền mạch với các vật liệu xung quanh.

Tuân theo khái niệm darklight, tấm chắn Stealth Metallic giảm thiểu sự hiện diện của nguồn sáng, mang lại trải nghiệm thị giác vượt trội mà vẫn duy trì hiệu suất chiếu sáng.



Stealth Metallic



Vòng đời sản phẩm trọn vẹn



Design	Thiết kế mô-đun cho phép áp dụng các nguyên lý kinh tế tuần hoàn thông qua cấu trúc linh hoạt và khả năng thích ứng cao.
Production	Cách tiếp cận module hóa của ION S giúp giảm thiểu lãng phí vật liệu và hạn chế sử dụng tài nguyên thô.
Distribution & Stock	Linh kiện được lưu kho và lắp ráp tại địa phương với thời gian xử lý chỉ trong 10 ngày.
Consumption & Repair	Các mô-đun riêng lẻ có thể được thay thế, giúp kéo dài vòng đời thiết bị và giảm nhu cầu thay mới toàn bộ.
Collection & Reuse	Những sản phẩm được trả lại hoặc tồn dư sẽ được tái chế hoặc được trao tặng nhằm hỗ trợ các hoạt động tái thiết cộng đồng.

Ứng dụng thực tế



The Art Gallery of Western Australia (AGWA)

Với bê tông mộc và những khối hình góc cạnh mạnh mẽ, kiến trúc Brutalist của phòng trưng bày tạo nên phong nền cho "Form and feeling: artists' studies of the twentieth century", một triển lãm khám phá sự chuyển mình của thực hành nghệ thuật.



ION S Framer Medium:
Vẽ đường viền quanh từng tác phẩm, khiến tác phẩm như phát sáng từ bên trong.



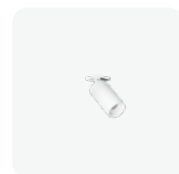
ION S Wallwasher Medium:
Tạo lớp sáng đồng đều trên bề mặt đứng, làm dịu độ tương phản giữa ánh sáng khung tranh và nền tối.



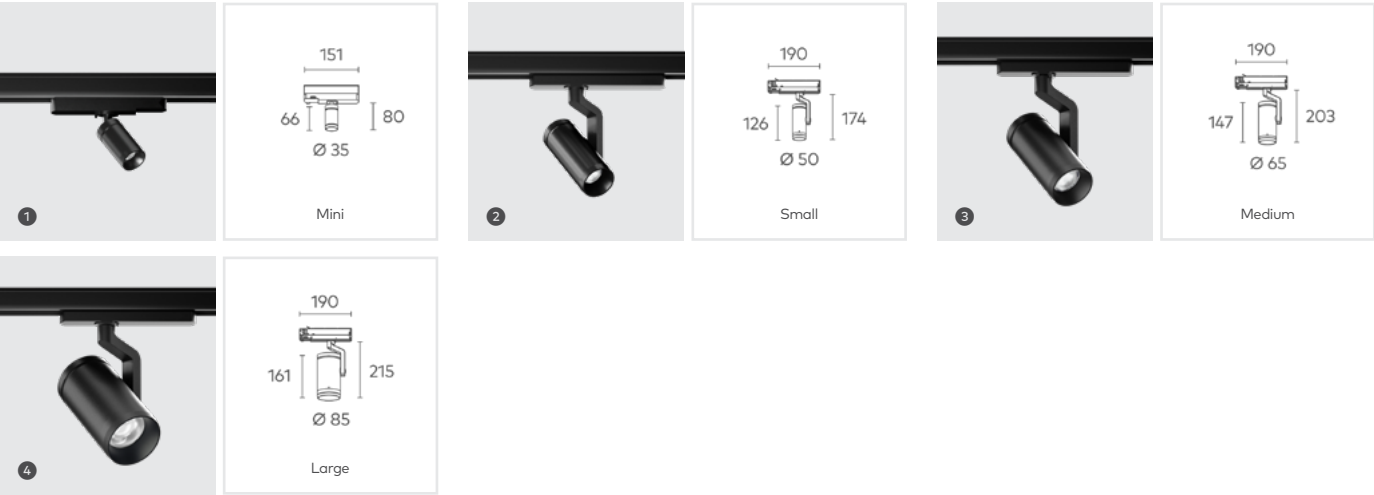
Ứng dụng thực tế

Orange House

Triết lý chiếu sáng của ngôi nhà này xoay quanh việc ẩn nguồn sáng thông qua ánh sáng gián tiếp và các thiết bị siêu nhỏ khi cần chiếu sáng định hướng.



ION S Mini: Chiếu sáng điểm nhấn cho các tác phẩm nghệ thuật treo tường.



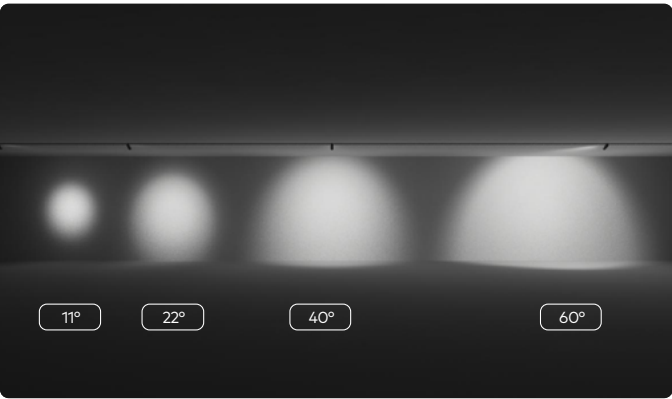
		LED Power	Lumens (at 3000K)	Beam	Beam (Elliptical)	Weight	Lumen Efficacy
❶	Mini	3W (1000mA)	206lm	6° 15° 40°	10x60° 15x60° 35x60°	204g	Up to 47lm/W
❷	Small	8W (200mA)	607lm	11° 21° 45°	12x55° 20x60° 40x60°	482g	Up to 65lm/W
❸	Small Wallwasher	8W (200mA)	508lm	40° Asymmetrical	-	482g	Up to 58lm/W
	Medium	13W (350mA)	1223lm	22° 40° 60°	22x60° 40x70° 50x70°	716g	Up to 88lm/W
	Medium Wallwasher	13W (350mA)	1046lm	60° Asymmetrical	-	716g	Up to 71lm/W
		18W (500mA)	1747lm				
❹	Large	25W (700mA)	2395lm	30° 45° 70°	30x70° 50x80° 60x80°	1150g	Up to 91lm/W
		32W (900mA)	3079lm				
	Large Wallwasher	25W (700mA)	1790lm	65° Asymmetrical	-	1150g	Up to 64lm/W
		32W (900mA)	2302lm				

Key Information	
Mounting	Track
Body Finish	Textured Black Textured White
Baffle Finish*	Matt Black Matt White Stealth Metallic Matt Gold
Baffle finish not applicable for wallwashers.	
LED CCT	2700K 3000K 4000K 2700K-6500K (Tunable White)
Warranty	5 Years

Design	
Product Family	ION
Adjustability	120° Tilt, Mini: 90° Tilt, 355° Rotation
Material	Powder Coated Aluminium
IP Rating	IP20
Class Rating	Class II

Performance	
CRI (Ra/R9)	92+ (R9: >50)
UGR (70/50/20)	<13, Mini: <10
Lifetime (Ta 25°C)	>72,000h L90B10, Mini: >31,000h L90B10
Operating Ambient Temperature	-10°- 35°C
SDCM	≤2, Mini: ≤3
COI Compliance Model Requirements	4000K

Track & Driver Compatibility	
Tempo Dim	MX3 In-Track
Phase Cut	MX3 In-Track
DALI	MX5 In-Track
Bluetooth	MX3 In-Track, MX5 In-Track
Driver Notes	
The Mini model is only compatible with phase-cut.	



Available Accessories
Linear Lens (for elliptical beams)
Honeycomb Lens (for reduced glare)
Softening Lens (for softening beam edges)



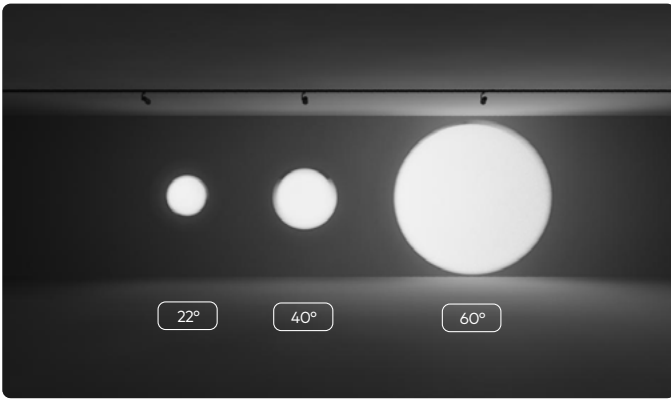
		LED Power	Lumens (at 3000K)	Beam	Weight	Lumen Efficacy
❶	Small 55°	8W (200mA)	267lm	55°	650g	Up to 29lm/W
❷	Medium 55°	18W (500mA)	842lm	55°	1667g	Up to 39lm/W
❸	Large 55°	32W (900mA)	1129lm	55°	1964g	Up to 30lm/W
❹	Small 15-25°	8W (200mA)	261lm	15-25°	665g	Up to 28lm/W
❺	Medium 15-25°	18W (500mA)	953lm	15-25°	1686g	Up to 44lm/W
❻	Large 15-25°	32W (900mA)	1436lm	15-25°	1983g	Up to 38lm/W

Key Information	
Mounting	Track
Body Finish	Textured Black Textured White
LED CCT	3000K
Warranty	5 Years

Design	
Product Family	ION
Adjustability	120° Tilt, 355° Rotation
Material	Powder Coated Aluminium
IP Rating	IP20
Class Rating	Class II

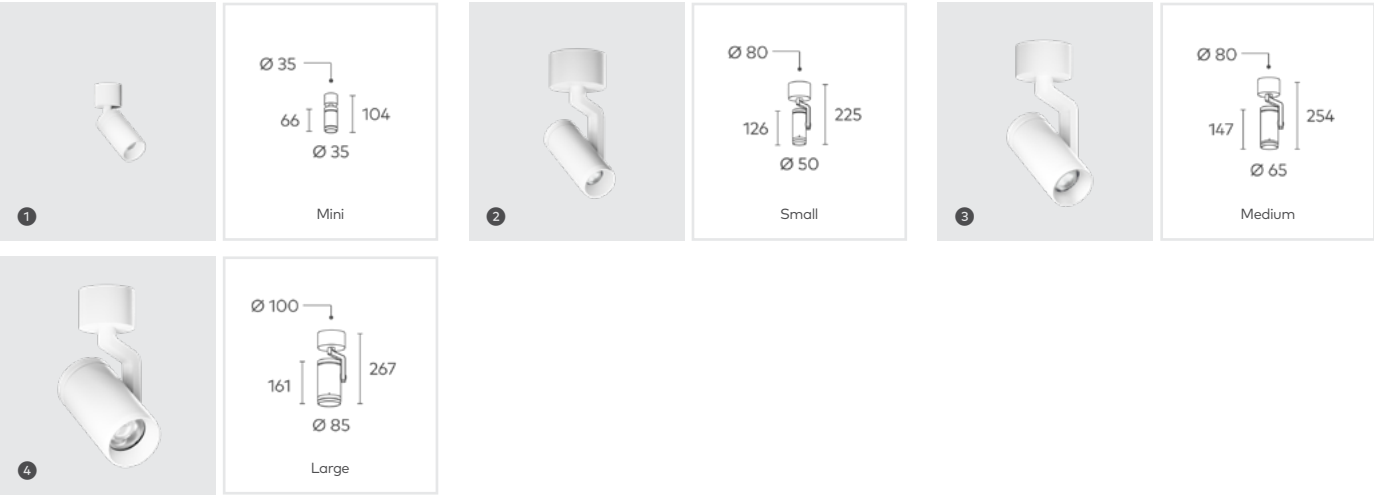
Performance	
CRI (Ra/R9)	97+ (R9: >90)
UGR (70/50/20)	<10
Lifetime (Ta 25°C)	>72,000h L90B10
Operating Ambient Temperature	-10°- 35°C
SDCM	≤2

Track & Driver Compatibility	
Tempo Dim	MX3 In-Track
Phase Cut	MX3 In-Track
DALI	MX5 In-Track
Bluetooth	MX3 In-Track, MX5 In-Track
Driver Notes	
Tempo-Dim driver must not be installed on any phase-cut circuit	



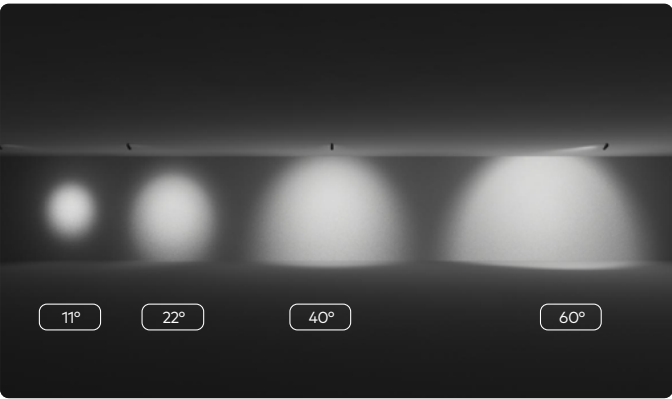
Available Accessories
Gobo Lens Adaptor
Customised Colour Dichroic Filter (Enquire for more details)



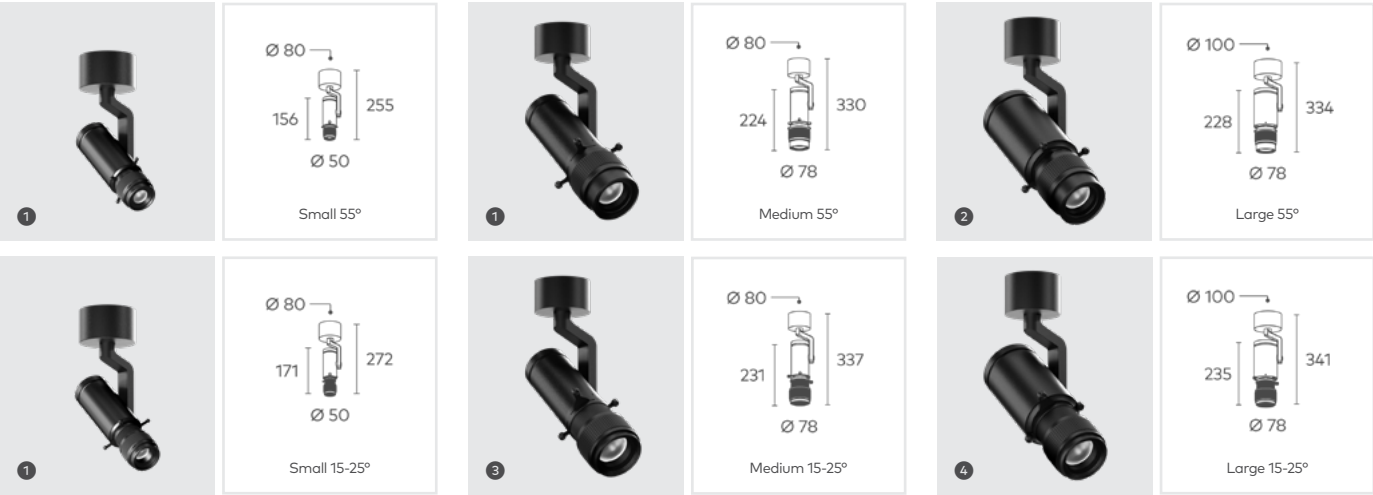


		LED Power	Lumens (at 3000K)	Beam	Beam (Elliptical)	Weight	Lumen Efficacy
1	Mini	3W (1000mA)	206lm	6° 15° 40°	10x60° 15x60° 35x60°	264g	Up to 47lm/W
2	Small	8W (200mA)	607lm	11° 21° 45°	12x55° 20x60° 40x60°	772g	Up to 65lm/W
	Small Wallwasher	8W (200mA)	508lm	40° Asymmetrical	-	772g	Up to 58lm/W
3	Medium	13W (350mA)	1223lm	22° 40° 60°	22x60° 40x70° 50x70°	1006g	Up to 88lm/W
	Medium Wallwasher	13W (350mA)	1046lm	60° Asymmetrical	-	1006g	Up to 71lm/W
		18W (500mA)	1747lm				
4	Large	25W (700mA)	2395lm	30° 45° 70°	30x70° 50x80° 60x80°	1534g	Up to 91lm/W
		32W (900mA)	3079lm				
	Large Wallwasher	25W (700mA)	1790lm	65° Asymmetrical	-	1534g	Up to 64lm/W
		32W (900mA)	2302lm				

Key Information		Design		Performance		Driver	
Mounting	Ceiling Surface	Product Family	ION	CRI (Ra/R9)	92+ (R9: >50)	Phase Cut	Built-in, Mini: Remote
Body Finish	■ Textured Black ■ Textured White	Adjustability	120° Tilt, Mini: 90° Tilt, 355° Rotation	UGR (70/50/20)	<13, Mini: <10	DALI	Built-in, Mini: Remote
Baffle Finish	■ Matt Black ■ Matt White ■ Stealth Metallic ■ Matt Gold	Material	Powder Coated Aluminium	Lifetime (Ta 25°C)	>72,000h L90B10, Mini: >31,000h L90B10	Bluetooth	Remote
Baffle finish not applicable for wallwashers.		IP Rating	IP20	Operating Ambient Temperature	-10°- 35°C	Driver Notes	
LED CCT		Class Rating	Class I, Mini: Class II	SDCM	≤2, Mini: ≤3	<i>Bluetooth is not compatible with the Mini model.</i>	
Warranty		COI Compliance Model Requirements		4000K			

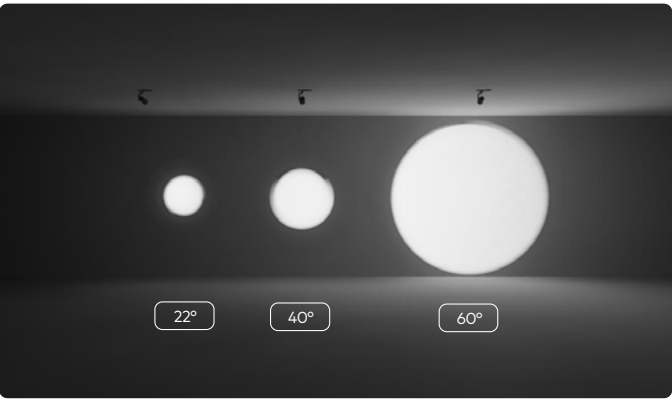


Available Accessories
Linear Lens (for elliptical beams)
Honeycomb Lens (for reduced glare)
Softening Lens (for softening beam edges)



		LED Power	Lumens (at 3000K)	Beam	Weight	Lumen Efficacy
1	Small 55°	8W (200mA)	267lm	55°	1050g	Up to 29lm/W
2	Medium 55°	18W (500mA)	841lm	55°	2117g	Up to 39lm/W
3	Large 55°	32W (900mA)	1129lm	55°	2508g	Up to 30lm/W
4	Small 15-25°	8W (200mA)	261lm	15-25°	1070g	Up to 28lm/W
5	Medium 15-25°	18W (500mA)	953lm	15-25°	2117g	Up to 44lm/W
6	Large 15-25°	32W (900mA)	1438lm	15-25°	2508g	Up to 38lm/W

Key Information		Design		Performance		Driver	
Mounting	Ceiling Surface	Product Family	ION	CRI (Ra/R9)	97+ (R9: >90)	Phase Cut	Built-in
Finish	■ Textured Black ■ Textured White	Adjustability	120° Tilt, 355° Rotation	UGR (70/50/20)	<10	DALI	Built-in
LED CCT	■ 3000K	Material	Powder Coated Aluminium	Lifetime (Ta 25°C)	>72,000h L90B10	Bluetooth	Remote
Warranty	5 Years	IP Rating	IP20	Operating Ambient Temperature	-10°- 35°C		
		Class Rating	Class I	SDCM	≤2		



Available Accessories
Gobo Lens Adaptor
Customised Colour Dichroic Filter (Enquire for more details)





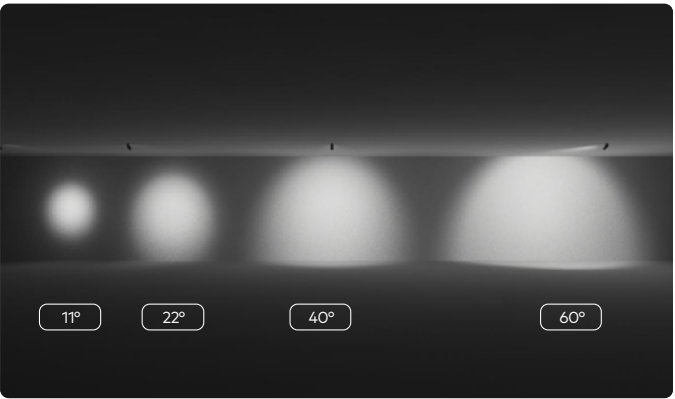
		LED Power	Lumens (at 3000K)	Beam	Beam (Elliptical)	Weight	Lumen Efficacy
1	Mini	3W (1000mA)	206lm	6° 15° 40°	10x60° 15x60° 35x60°	250g	Up to 47lm/W
2	Small	8W (200mA)	607lm	11° 21° 45°	12x55° 20x60° 40x60°	612g	Up to 65lm/W
	Small Wallwasher	8W (200mA)	508lm	40° Asymmetrical	-	612g	Up to 58lm/W
3	Medium	13W (350mA)	1223lm	22° 40° 60°	22x60° 40x70° 50x70°	846g	Up to 88lm/W
	Medium Wallwasher	13W (350mA)	1046lm	60° Asymmetrical	-	846g	Up to 71lm/W
		18W (500mA)	1747lm				
4	Large	25W (700mA)	2395lm	30° 45° 70°	30x70° 50x80° 60x80°	1280g	Up to 91lm/W
		32W (900mA)	3079lm				
	Large Wallwasher	25W (700mA)	1790lm	65° Asymmetrical	-	1280g	Up to 64lm/W
		32W (900mA)	2302lm				

Key Information	
Mounting	Ceiling Recessed
Body Finish	Textured Black Textured White
Baffle Finish	Matt Black Matt White Stealth Metallic Matt Gold
Baffle finish not applicable for wallwashers.	
LED CCT	2700K 3000K 4000K 2700K-6500K (Tunable White)
Warranty	5 Years

Design	
Product Family	ION
Adjustability	120° Tilt, Mini: 90° Tilt, 355° Rotation
Material	Powder Coated Aluminium
IP Rating	IP20
Class Rating	Class II
Insulation Rating	IC-4

Performance	
CRI (Ra/R9)	92+ (R9: >50)
UGR (70/50/20)	<13, Mini: <10
Lifetime (Ta 25°C)	>72,000h L90B10, Mini: >31,000h L90B10
Operating Ambient Temperature	-10°- 35°C
SDCM	≤2, Mini: ≤3
COI Compliance Model Requirements	4000K

Driver	
Phase Cut	Remote
DALI	Remote
Bluetooth	Remote
Driver Notes	
Bluetooth is not compatible with the Mini model.	



Available Accessories
Linear Lens (for elliptical beams)
Honeycomb Lens (for reduced glare)
Softening Lens (for softening beam edges)



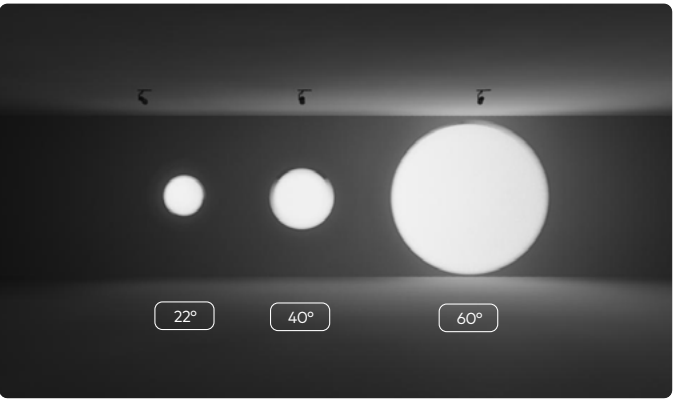
		LED Power	Lumens (at 3000K)	Beam	Weight	Lumen Efficacy
1	Small 55°	8W (200mA)	267lm	55°	840g	Up to 29lm/W
2	Medium 55°	18W (500mA)	841lm	55°	1857g	Up to 39lm/W
3	Large 55°	32W (900mA)	1129lm	55°	2154g	Up to 30lm/W
4	Small 15-25°	8W (200mA)	261lm	15-25°	840g	Up to 28lm/W
5	Medium 15-25°	18W (500mA)	953lm	15-25°	1857g	Up to 44lm/W
6	Large 15-25°	32W (900mA)	1438lm	15-25°	2154g	Up to 38lm/W

Key Information	
Mounting	Ceiling Recessed
Finish	Textured Black Textured White
LED CCT	3000K
Warranty	5 Years

Design	
Product Family	ION
Adjustability	120° Tilt, 355° Rotation
Material	Powder Coated Aluminium
IP Rating	IP20
Class Rating	Class II
Insulation Rating	IC-4

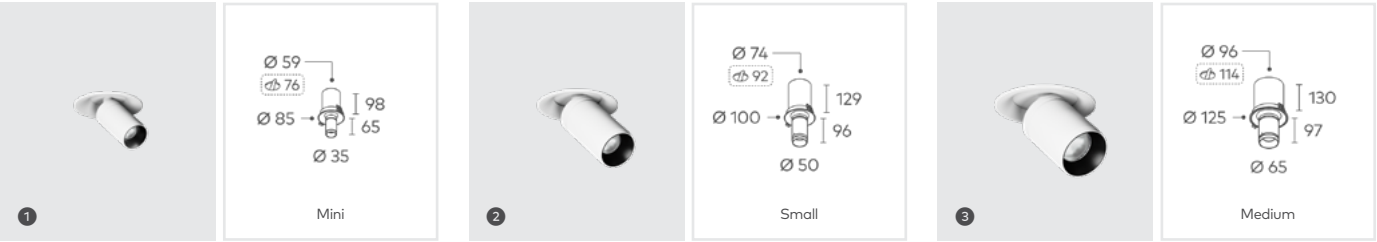
Performance	
CRI (Ra/R9)	97+ (R9: >90)
UGR (70/50/20)	<10
Lifetime (Ta 25°C)	>72,000h L90B10
Operating Ambient Temperature	-10°- 35°C
SDCM	≤2

Driver	
Phase Cut	Remote
DALI	Remote
Bluetooth	Remote



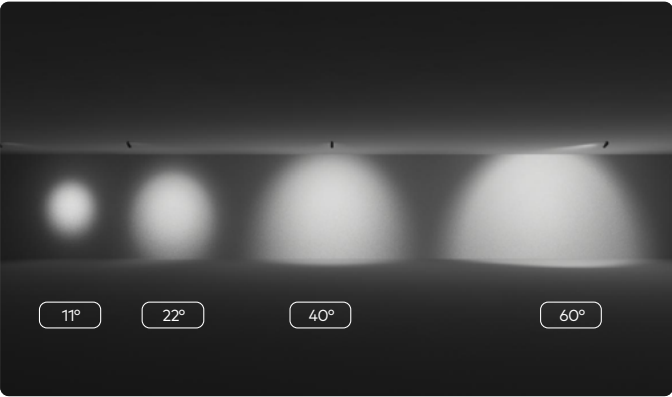
Available Accessories
Gobo Lens Adaptor
Customised Colour Dichroic Filter (Enquire for more details)





		LED Power	Lumens (at 3000K)	Beam	Beam (Elliptical)	Weight	Lumen Efficacy
1	Mini	3W (1000mA)	206lm	6° 15° 40°	10x60° 15x60° 35x60°	230g	Up to 41lm/W
2	Small	8W (200mA)	607lm	11° 21° 45°	12x55° 20x60° 40x60°	450g	Up to 70lm/W
	Small Wallwasher	8W (200mA)	508lm	45° Asymmetrical	-	450g	Up to 58lm/W
3	Medium	15W (400mA)	1398lm	22° 40° 60°	22x60° 40x70° 50x70°	680g	Up to 91lm/W
	Medium Wallwasher	15W (400mA)	1195lm	60° Asymmetrical	-	680g	Up to 77lm/W

Key Information		Design		Performance		Driver	
Mounting	Ceiling Recessed	Product Family	ION	CRI (Ra/R9)	92+ (R9: >50)	Phase Cut	Remote
Body Finish	☒ Textured Black ☐ Textured White	Adjustability	80° Tilt (Fully retracted), 355° Rotation	UGR (70/50/20)	<13, Mini: <10	DALI	Remote
Baffle Finish	☒ Matt Black ☐ Matt White ☐ Stealth Metallic ☐ Matt Gold	Material	Powder Coated Aluminium	Lifetime (Ta 25°C)	>72,000h L90B10, Mini: >31,000h L90B10	Bluetooth	Remote
Baffle finish not applicable for wallwashers.		IP Rating	IP20	Operating Ambient Temperature	-10°- 35°C	Driver Notes	
LED CCT	☒ 2700K ☐ 3000K ☐ 4000K ☐ 2700K-6500K (Tunable White)	Class Rating	Class II	SDCM	≤2, Mini: ≤3	Bluetooth is not compatible with the Mini model.	
Warranty	5 Years	Insulation Rating	CA90	COI Compliance Model Requirements	4000K		



Available Accessories
Linear Lens (for elliptical beams)
Honeycomb Lens (for reduced glare)
Softening Lens (for softening beam edges)



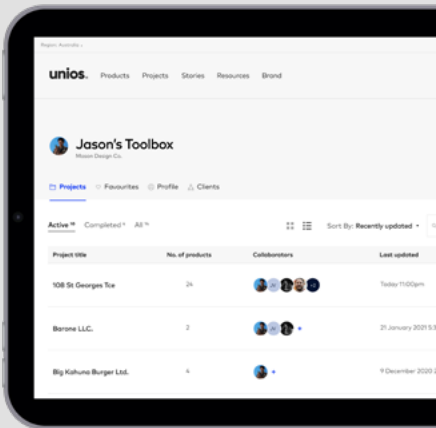
Về Unios



Là thương hiệu ba lần được vinh danh tại Good Design Award, bao gồm cả Gold Award, Unios không ngừng thiết lập chuẩn mực mới trong thiết kế chiếu sáng kiến trúc.



Unios Toolbox – nền tảng trực quan được xây dựng nhằm tối ưu quy trình làm việc, hỗ trợ bạn mọi lúc, mọi nơi.



3K+ người dùng

Với các trung tâm trải nghiệm tại Úc và Việt Nam, cùng hệ thống văn phòng tại Hàn Quốc và Singapore, Unios sẵn sàng đồng hành và hỗ trợ khu vực của bạn một cách toàn diện.



Unios cũng là chủ nhân của Red Dot Award với dòng sản phẩm Pandia Glass Series.



reddot winner 2025
lighting design

Special Thanks

Ấn phẩm này sẽ không thể hoàn thiện nếu thiếu sự đồng hành và hỗ trợ bền bỉ từ các đối tác dự án, hệ thống phân phối và đội ngũ nhiếp ảnh đã đóng góp nội dung và hình ảnh.

More Information

Để tham khảo thêm dữ liệu kỹ thuật và truy cập thư viện đầy đủ, vui lòng truy cập **unios.com**. Thư viện của chúng tôi bao gồm cơ sở dữ liệu toàn diện về đối tượng BIM, tệp IES và hình ảnh sản phẩm.

Instagram: [instagram.com/unioslight](https://www.instagram.com/unioslight)
Facebook: [facebook.com/unioslight](https://www.facebook.com/unioslight)
LinkedIn: [linkedin.com/company/unios](https://www.linkedin.com/company/unios)
Youtube: [unios.com/youtube](https://www.youtube.com/unios)
Pinterest: [pinterest.com/unioslight](https://www.pinterest.com/unioslight)
Twitter: twitter.com/unioslight



Tìm đại lý hoặc văn phòng
Unios gần bạn nhất:

unios.com/find-us